TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG** Số: 216/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Vĩnh Long, ngày 21 tháng 4 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 268/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1978;

Căn cước công dân số: 083078010888 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11 tháng 8 năm 2021.

Nơi cư trú: Số A, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Lê Thị Tuyết P1, sinh năm 1977;

Căn cước công dân số: 083177013437 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20 tháng 8 năm 2021.

Nơi cư trú: Số A, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc P và bà Lê Thị Tuyết P1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 09/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ

chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Ông Quốc P và bà Tuyết P1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Quốc P và bà Tuyết P1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Ông Quốc P và bà Tuyết P1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Quốc P và bà Tuyết P1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông Quốc P và bà Tuyết P1 thống nhất tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của ông Quốc P và bà Tuyết P1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc P và bà Lê Thị Tuyết P1 thuận tình ly hôn. Ông Quốc P và bà Tuyết P1 không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

- Về con chung: Ông Quốc P và bà Tuyết P1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Quốc P và bà Tuyết P1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Quốc P và bà Lê Thị Tuyết P1 tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005332 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Quốc P và bà Tuyết P1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm My